

Các động từ bất quy tắc thường gặp

Present	Past (P1)	Nghĩa
B		
Be		Thì, là, ở
Become		Trở nên
Begin		Bắt đầu
Break		Đập vỡ
Bring		Mang đến
Buy		Mua
C		
Come		Đến, đi đến
Cut		Cắt, chặt
D		
Do		Làm
Drink		Uống
Drive		Lái xe
E		
Eat		Ăn
F		
Fall		Ngã
Feed		Cho ăn, nuôi
Feel		Cảm thấy
Fight		Chiến đấu
Find		Tìm kiếm
Fly		Bay
G		
Get		Có, được
Give		Cho
Go		Đi
Grow		Mọc, trồng
H		
Have		Có
Hear		Nghe
Hide		Giấu, lấp
Hold		Cầm

K

Keep		Giữ
Know		Biết, quen

L

Let		Cho phép
-----	--	----------

M

Make		Chế tạo, sản xuất
Meet		Gặp mặt

P

Pay		Trả (tiền)
-----	--	------------

R

Read		Đọc
Ride		Cưỡi
Run		Chạy

S

Say		Nói
See		Nhìn thấy
Sell		Bán
Send		Gửi
Sing		Hát
Sit		Ngồi
Speak		Nói
Stand		Đứng
Swim		Bơi

T

Take		Cầm, lấy
Teach		Dạy
Tell		Kể, bảo
Think		Nghĩ

U

Understand		Hiểu
------------	--	------

W

Wear		Mặc
Write		Viết
Wake		Thức dậy
win		Chiến thắng